

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Thành;

Bà Trần Thị Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Huệ A, sinh năm 1975; số căn cước công dân: 089175019368 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; địa chỉ thường trú: khu phố Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A; địa chỉ liên lạc: số E đường L, tổ A, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Ngọc Q, sinh năm 1970; quốc tịch: Úc; địa chỉ: 5 Windsor AVE S Australia. Hộ chiếu số: L 0894380 cấp ngày 07/01/1997, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Huệ A trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà A và ông Ngô Ngọc Q tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh A và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01 ngày 01/4/1997. Sau khi đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì ông Q về lại Australia để tiếp tục làm việc, còn bà A ở Việt Nam để chuẩn bị hồ sơ qua Australia để đoàn tụ cùng ông Q. Từ năm 1997 đến

năm 1999 thì ông Q cũng thường xuyên về Việt Nam để thăm bà A và cả hai thường xuyên gọi điện trò chuyện với nhau. Tuy nhiên, đến năm 2000 thì ông Q không về Việt Nam thăm và cũng không liên lạc cho bà A. Sau đó đến nay bà A cũng không thể liên lạc với ông Q. Do thời gian đã lâu không còn liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A có đơn khởi kiện ly hôn ông Ngô Ngọc Q.

Về con chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Ngô Ngọc Q các văn bản như: *Đơn khởi kiện ly hôn* đề ngày 03/10/2024 của bà Lê Thị Huệ A; *Thông báo thụ lý vụ án* số 46/TB-TLVA, ngày 23/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; *Giấy chứng nhận kết hôn* số 77, quyển số 01 cấp ngày 01/4/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Việt Nam và *Công văn* số: 83/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Ngô Ngọc Q đã nhận được các văn bản của Tòa án, tuy nhiên, ông Ngô Ngọc Q vẫn không có ý kiến gửi Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà A và ông Ngô Ngọc Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn tại Việt Nam thì ông Q về lại Australia để tiếp tục làm việc, còn bà A ở Việt Nam để chuẩn bị hồ sơ qua Australia để đoàn tụ cùng ông Q. Từ năm 1997 đến năm 1999 thì ông Q cũng thường xuyên về Việt Nam để thăm bà A và cả hai thường xuyên gọi điện trò chuyện với nhau. Tuy nhiên, đến năm 2000 thì ông Q không về Việt Nam thăm và cũng không liên lạc cho bà A. Sau đó đến nay bà A cũng không thể liên lạc với ông Q. Do thời gian đã lâu không còn liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau do vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Huệ A và ông Ngô Ngọc Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh A và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 ngày 01/4/1997. Bà A hiện đang cư trú tại số E đường L,

tổ A, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông Ngô Ngọc Q đang sống và làm việc tại số E Windsor AVE S Australia. Do đó, theo quy định tại các Điều: 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình và các Điều: 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Ngô Ngọc Q các văn bản như: *Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03/10/2024 của bà Lê Thị Huệ A; Thông báo thụ lý vụ án số 46/TB-TLVA, ngày 23/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 cấp ngày 01/4/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Việt Nam và Công văn số: 83/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*, ông Ngô Ngọc Q đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng ông Ngô Ngọc Q vẫn vắng mặt và không có ý kiến gửi Tòa án. Bà Lê Thị Huệ A có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà A và ông Ngô Ngọc Q tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh A và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 ngày 01/4/1997. Sau khi kết hôn tại Việt Nam thì ông Q về lại Australia để tiếp tục làm việc, còn bà A ở Việt Nam để chuẩn bị hồ sơ qua Australia để đoàn tụ cùng ông Q. Từ năm 1997 đến năm 1999 thì ông Q cũng thường xuyên về Việt Nam để thăm bà A và cả hai thường xuyên gọi điện trò chuyện với nhau. Tuy nhiên, đến năm 2000 thì ông Q không về Việt Nam thăm và cũng không liên lạc cho bà A. Sau đó đến nay bà A cũng không thể liên lạc với ông Q. Do thời gian đã lâu không còn liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A xác định không còn tình cảm với ông Ngô Ngọc Q và có đơn khởi kiện ly hôn ông Ngô Ngọc Q.

Về phía ông Ngô Ngọc Q, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Ngô Ngọc Q các văn bản như: *Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03/10/2024 của bà Lê Thị Huệ A; Thông báo thụ lý vụ án số 46/TB-TLVA, ngày 23/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 cấp ngày 01/4/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh A, Việt Nam và Công văn số: 83/TA-HNGĐ, ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*. Đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi các văn bản nêu trên qua dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế cho ông Ngô Ngọc Q và ông Ngô Ngọc Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Ngô Ngọc Q vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A.

Xét yêu cầu ly hôn của bà A thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...” mục đích hôn nhân giữa bà A và ông Ngô Ngọc Q không đạt được, vì quyền lợi chung của hai bên nên cần phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông Ngô Ngọc Q, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Huệ A xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật: Bà Lê Thị Huệ A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huệ A đối với ông Ngô Ngọc Q về việc "Tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huệ A ly hôn với ông Ngô Ngọc Q.
- Về con chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Huệ A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003523, ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí dịch thuật và ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Huệ A tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Huệ A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Ngô Ngọc Q được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đức Thành Trần Thị Đẹp Lưu Thị Mỹ Hương